

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG <u>GIỮA NIÊN ĐỘ</u>	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN <u>GIỮA NIÊN ĐỘ</u>	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <u>GIỮA NIÊN ĐỘ</u>	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ <u>GIỮA NIÊN ĐỘ</u>	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG <u>GIỮA NIÊN ĐỘ</u>	9 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Số 17 phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Gia Bình	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Cao Bảo	Ủy viên
Ông Jean Charles Belliol	Ủy viên
Ông Lê Song Lai	Ủy viên
Ông Tomokazu Hamaguchi	Ủy viên
Ông Dan E Khoo	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Quang Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Cao Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2018)
Ông Hoàng Việt Anh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2018)
Ông Dương Dũng Triều	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

10/01/2018
CỔ
TỊCH
TỔNG
GIÁM
ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Số 17 phố Duy Tân

Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền số 94.3-2013/QĐ-FPT-TGD
ngày 05 tháng 8 năm 2013

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2018

Số: 167 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FPT

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2018, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN FPTSố 17 phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 01a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.154.078.697.414	5.329.441.848.610
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.490.956.128.265	1.543.531.025.225
1. Tiền	111		235.656.128.265	159.931.025.225
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.255.300.000.000	1.383.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.254.900.000.000	2.681.400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.254.900.000.000	2.681.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.368.099.923.993	1.093.590.824.150
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	99.977.340.119	61.914.578.338
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	114.370.939.837	1.811.627.443
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	28.500.000.000	34.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.125.251.644.037	995.364.618.369
IV. Hàng tồn kho	140		150.545.253	298.547.253
1. Hàng tồn kho	141		150.545.253	298.547.253
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.972.099.903	10.621.451.982
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		34.532.508.773	9.619.131.985
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.404.788.501	967.517.368
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		34.802.629	34.802.629
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.954.496.599.298	4.892.386.193.050
I. Tài sản cố định	220		73.194.647.830	79.231.338.997
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	62.202.539.191	66.433.143.142
- Nguyên giá	222		204.150.978.141	202.962.167.963
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(141.948.438.950)	(136.529.024.821)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	10.992.108.639	12.798.195.855
- Nguyên giá	228		71.356.891.892	71.226.891.892
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.364.783.253)	(58.428.696.037)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		467.621.741.925	399.733.566.606
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	467.621.741.925	399.733.566.606
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.411.264.696.145	4.411.264.696.145
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	3.929.613.409.012	3.929.613.409.012
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	492.500.000.000	492.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	500.000.000	500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(11.348.712.867)	(11.348.712.867)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.415.513.398	2.156.591.302
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.415.513.398	2.156.591.302
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.108.575.296.712	10.221.828.041.660


Các thuyết kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


CÔNG TY CỔ PHẦN FPTSố 17 phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 01a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		999.420.692.060	971.355.319.833
I. Nợ ngắn hạn	310		999.420.692.060	971.355.319.833
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	125.911.831.281	79.608.251.523
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	388.359.606
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	16.801.606.334	50.961.962.268
4. Phải trả người lao động	314		2.686.194	2.686.194
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	80.965.803.975	30.738.911.788
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	416.141.014.974	396.530.752.152
7. Vay ngắn hạn	320	19	330.000.000.000	400.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		29.597.749.302	13.124.396.302
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		9.109.154.604.652	9.250.472.721.827
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	9.109.154.604.652	9.250.472.721.827
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.136.367.720.000	5.309.611.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.136.367.720.000	5.309.611.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.941.441.360	49.941.441.360
3. Cổ phiếu quỹ	415		(823.760.000)	(823.760.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		103.009.261	103.009.261
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		87.203.093.024	87.203.093.024
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.836.363.101.007	3.804.437.888.182
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.203.926.850.682	1.362.856.000.825
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		632.436.250.325	2.441.581.887.357
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.108.575.296.712	10.221.828.041.660


La Hùng Hải
 Người lập biểu


Hoàng Hữu Chiến
 Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Phương
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2018




Các thuyết kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	134.812.106.322	137.543.300.619
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	770.624.339	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	134.041.481.983	137.543.300.619
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	61.820.623.687	63.874.253.594
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		72.220.858.296	73.669.047.025
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	742.039.307.968	707.759.978.657
7. Chi phí tài chính	22	25	15.179.690.870	50.627.457.520
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.179.690.870	47.972.825.013
8. Chi phí bán hàng	25		3.246.156.485	2.131.862.217
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		155.222.809.331	91.913.214.128
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		640.611.509.578	636.756.491.817
11. Thu nhập khác	31		230.608	26.451.935
12. Chi phí khác	32		13.701.876	-
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(13.471.268)	26.451.935
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		640.598.038.310	636.782.943.752
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	8.161.787.985	4.021.652.198
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		632.436.250.325	632.761.291.554


 La Hùng Hải
 Người lập biểu


 Hoàng Hữu Chiến
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thế Phương
 Phó Tổng Giám đốc


Ngày 10 tháng 8 năm 2018

Các thuyết kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	640.598.038.310	636.782.943.752
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	7.355.501.345	9.354.173.302
Các khoản dự phòng	03	-	(1.179.900.000)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(2.904.382)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(741.282.384.715)	(703.947.996.314)
Chi phí lãi vay	06	15.179.690.870	47.972.825.013
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(78.149.154.190)	(11.020.858.629)
Thay đổi các khoản phải thu	09	21.277.178.119	452.980.434.213
Thay đổi hàng tồn kho	10	148.002.000	-
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	80.654.892.240	(297.322.501.379)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(29.609.570.017)	7.400.068.767
Tiền lãi vay đã trả	14	(16.790.546.362)	(56.432.412.454)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(55.641.519.472)	(4.069.579.190)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	31.200.253.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.726.900.000)	(17.420.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(61.637.364.682)	74.115.051.328
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(131.040.107.428)	(8.151.592.022)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.214.036.364
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.891.900.000.000)	(1.483.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.324.400.000.000	1.589.500.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	1.585.367.493
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	550.472.852.925	937.223.474.277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	851.932.745.497	1.038.371.286.112

Các thuyết kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	26.545.560.000	22.963.700.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	966.000.000.000	5.027.400.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.036.000.000.000)	(6.637.400.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(799.415.837.775)	(460.087.056.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(842.870.277.775)	(2.047.123.356.850)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(52.574.896.960)	(934.637.019.410)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.543.531.025.225	2.853.809.981.427
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	1.490.956.128.265	1.919.172.962.017



La Hùng Hải
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2018



Hoàng Hữu Chiên
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Phương
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN FPT

Số 17 phố Duy Tân
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần FPT (gọi tắt là "Công ty") ban đầu là một công ty Nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 178/QĐ-TTg và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần FPT hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 12 năm 2008, Công ty đã đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT thành Công ty Cổ phần FPT.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh gần nhất ngày 19 tháng 6 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT là 6.136.367.720.000 VND.

Từ tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty Cổ phần FPT được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 184 người (31 tháng 12 năm 2017 là 162 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin, viễn thông và đầu tư. Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp chủ yếu bao gồm: tích hợp hệ thống; sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm; các dịch vụ công nghệ thông tin; các dịch vụ ERP; dịch vụ giải pháp phần mềm; các dịch vụ viễn thông và internet; đào tạo; bảo hành và bảo trì thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị viễn thông và các dịch vụ viễn thông khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Từ ngày 18 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đã giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (viết tắt là "FRT") xuống còn 47% và Công ty TNHH Thương mại FPT (viết tắt là "FTG") xuống còn 48%. Theo đó, FRT và FTG không còn là công ty con mà trở thành công ty liên kết của Tập đoàn. FTG cũng đã đổi tên thành "Công ty Cổ phần Synnex FPT".

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty Cổ phần FPT có 7 công ty con như sau:

- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT;
- Công ty TNHH Phần mềm FPT;
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT;
- Công ty TNHH Giáo dục FPT;
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT;
- Công ty TNHH Đầu tư FPT; và
- Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí FPT.

Và 2 công ty liên kết bao gồm:

- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT; và
- Công ty Cổ phần Synnex FPT.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước-xuất trước (FIFO), phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Kỳ này Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	4 - 6
Tài sản khác	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao

của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí tân trang văn phòng.

Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các thiết bị loại nhỏ và các chi phí tân trang văn phòng được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty con và các cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	219.301.822	258.025.392
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	235.436.826.443	159.672.999.833
Các khoản tương đương tiền (i)	1.255.300.000.000	1.383.600.000.000
	<u>1.490.956.128.265</u>	<u>1.543.531.025.225</u>

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản cho công ty con vay có thời hạn không quá 3 tháng.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị ghi sổ</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Giá trị ghi sổ</u> VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.254.900.000.000	2.254.900.000.000	2.681.400.000.000	2.681.400.000.000

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng.



b. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ				Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Ghi chú	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND		VND	VND	VND
b1) Đầu tư vào công ty con	3.929.613.409.012	(11.348.712.867)			3.929.613.409.012	(11.348.712.867)	
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	850.000.000.000	-	Chưa xác định	(i)	850.000.000.000	-	Chưa xác định
Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí FPT	50.000.000.000	(11.348.712.867)	Chưa xác định	(i)	50.000.000.000	(11.348.712.867)	Chưa xác định
Công ty TNHH Đầu tư FPT	800.000.000.000	-	Chưa xác định	(i)	800.000.000.000	-	Chưa xác định
Công ty TNHH Giáo dục FPT	250.000.000.000	-	Chưa xác định	(i)	250.000.000.000	-	Chưa xác định
Công ty TNHH Phần mềm FPT	1.312.073.500.000	-	Chưa xác định	(i)	1.312.073.500.000	-	Chưa xác định
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	585.592.515.312	-	5.316.965.678.000	(ii)	585.592.515.312	-	5.127.688.607.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	81.947.393.700	-	Chưa xác định	(i)	81.947.393.700	-	Chưa xác định
b2) Đầu tư vào công ty liên kết	492.500.000.000	-			492.500.000.000	-	
Công ty Cổ phần Synnex FPT	398.500.000.000	-	Chưa xác định	(i)	398.500.000.000	-	Chưa xác định
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	94.000.000.000	-	2.588.760.000.000	(ii)	94.000.000.000	-	Chưa xác định
b3) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	500.000.000	-			500.000.000	-	
Dự án xây dựng đường vành đai 4	500.000.000	-	Chưa xác định	(i)	500.000.000	-	Chưa xác định

- (i) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, do một số công ty con của Công ty và một số đơn vị khác mà Công ty đầu tư vào chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty con và các đơn vị khác này chưa thể xác định được để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.
- (ii) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT được xác định lần lượt trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
b4) Tình hình hoạt động của các Công ty con trong kỳ:		
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí FPT	Tạm dừng hoạt động	Tạm dừng hoạt động
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật BERJAYA Gia Thịnh	72.885.087.151	27.379.011.042
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	10.535.512.159	16.954.104.128
Công ty TNHH Phần mềm FPT	8.300.083.024	8.305.462.130
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	6.824.328.671	5.004.634.652
Công ty Cổ phần Synnex FPT	140.273.750	2.855.821.578
Các khách hàng khác	1.292.055.364	1.415.544.808
	99.977.340.119	61.914.578.338
Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 27)	27.203.143.224	34.175.401.350

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (i)	108.750.246.172	-
Nhà cung cấp khác	5.620.693.665	1.811.627.443
	114.370.939.837	1.811.627.443

(i) Phản ánh khoản trả trước để thực hiện dự án Tòa nhà FPT Tower.

8. PHẢI THU VẼ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty TNHH MTV Giải pháp công nghệ FPT	17.500.000.000	17.500.000.000
Công ty TNHH Bất động sản FPT	11.000.000.000	17.000.000.000
	28.500.000.000	34.500.000.000

Phải thu vẽ cho ngắn hạn phản ánh các khoản cho các đơn vị vay nội bộ có thời hạn trên ba tháng và dưới một năm theo lãi suất ngân hàng.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phải thu người lao động	1.317.964.013	-
Ký cược, ký quỹ	4.347.418.869	4.347.418.869
Cổ tức phải thu công ty con	602.000.000.000	437.656.070.000
Phải thu về lãi cho vay và tiền gửi	74.683.531.535	48.278.836.594
Phải thu khác	442.902.729.620	505.082.292.906
- Công ty TNHH Đầu tư FPT	201.452.961.774	224.488.080.991
- Công ty Cổ phần Đô thị FPT Đà Nẵng	34.872.248.954	34.872.248.954
- King's Eye Investments Limited	90.606.000.000	90.606.000.000
- Khác	115.971.518.892	155.115.962.961
	<u>1.125.251.644.037</u>	<u>995.364.618.369</u>

310
C
ÍCH
IE
/16
9 B

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	94.646.794.786	44.680.328.344	10.697.570.455	52.560.583.427	376.890.951	202.962.167.963
Mua sắm mới	-	49.168.360	-	1.139.641.818	-	1.188.810.178
Số dư cuối kỳ	94.646.794.786	44.729.496.704	10.697.570.455	53.700.225.245	376.890.951	204.150.978.141
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	44.407.503.053	44.635.099.917	2.732.358.839	44.377.172.061	376.890.951	136.529.024.821
Trích khấu hao trong kỳ	1.665.168.927	13.632.241	884.137.101	2.856.475.860	-	5.419.414.129
Số dư cuối kỳ	46.072.671.980	44.648.732.158	3.616.495.940	47.233.647.921	376.890.951	141.948.438.950
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	50.239.291.733	45.228.427	7.965.211.616	8.183.411.366	-	66.433.143.142
Tại ngày cuối kỳ	48.574.122.806	80.764.546	7.081.074.515	6.466.577.324	-	62.202.539.191

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, nguyên giá của tài sản bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 159.695.264.981 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 153.113.134.930 VND).

Một số tầng của tòa nhà FPT Cầu Giấy phản ánh trong khoản mục "Nhà cửa và vật kiến trúc" đang được các công ty con thuê, sử dụng làm văn phòng.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu kỳ	71.226.891.892
Tăng trong kỳ	130.000.000
Số dư cuối kỳ	71.356.891.892
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu kỳ	58.428.696.037
Trích khấu hao trong kỳ	1.936.087.216
Số dư cuối kỳ	60.364.783.253
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu kỳ	12.798.195.855
Tại ngày cuối kỳ	10.992.108.639

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án Tòa nhà FPT Tower	424.960.108.025	393.003.100.000
Khác	42.661.633.900	6.730.466.606
	467.621.741.925	399.733.566.606

25
 G
 M H
 IT
 NA
 TP.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (trực tiếp và gián tiếp)	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	Tầng 22, tòa nhà Keangnam Landmark 72, E6, Phạm Hùng, Mỹ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp giải pháp phần mềm ứng dụng, dịch vụ ERP, dịch vụ công nghệ thông tin, tích hợp hệ thống
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Tầng 6-12, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phần mềm
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (i)	Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	45,65%	45,65%	Cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, quảng cáo trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Cung cấp dịch vụ đào tạo và công nghệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	Số 408 đường Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	51,95%	84,08%	Cung cấp các dịch vụ trực tuyến
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Tầng 13, tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính (hoạt động tư vấn đầu tư, không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT (ii)	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	100%	100%	Sản xuất và dàn dựng các bản tin và các chương trình giải trí; cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ quảng cáo

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty Cổ phần FPT sở hữu 45,65% phần vốn (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 45,65%) và nắm giữ 45,65% quyền biểu quyết (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 45,65%) tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Tuy nhiên, Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và do đó, có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Như vậy, Công ty có quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Viễn thông FPT, và Công ty Cổ phần Viễn thông FPT được coi là công ty con.
- (ii) Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FPT đã ra Quyết định số 79.1-2011/QĐ-FPT-TGD ngày 08 tháng 8 năm 2011 về việc tạm thời thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Synnex FPT	Tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội	48,00%	Sản xuất các sản phẩm công nghệ và phân phối các linh kiện CNTT và điện thoại di động, chế tạo máy tính
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Số 261-263 Khánh Hội, phường 5, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	47,00%	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông; đại lý dịch vụ viễn thông

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	56.393.853.045	31.819.513.264
Công ty TNHH Giáo dục FPT	44.716.827.221	-
Công ty TNHH Phần mềm FPT	1.049.834.967	19.485.208.666
Khác	23.751.316.048	28.303.529.593
	125.911.831.281	79.608.251.523
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 27)	115.386.668.359	54.980.434.666

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu kỳ VND	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ VND
		Số phải nộp/thu VND	Số đã nộp/thu và được khấu trừ VND	
a) Các khoản phải thu				
Thuế nhập khẩu	34.802.629	-	-	34.802.629
Cộng	34.802.629	-	-	34.802.629
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.006.986.642	12.656.517.467	13.661.210.937	2.293.172
- Thuế GTGT đầu ra	1.004.694.470	12.656.517.467	13.661.210.937	1.000
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.292.172	-	-	2.292.172
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.807.843.352	8.161.787.985	55.641.519.472	1.328.111.865
Các loại thuế khác	1.147.132.274	22.306.349.385	7.982.280.362	15.471.201.297
Thuế thu nhập cá nhân	859.471.864	21.741.250.651	7.130.976.353	15.469.746.162
Thuế khác	287.660.410	565.098.734	851.304.009	1.455.135
Cộng	50.961.962.268	43.124.654.837	77.285.010.771	16.801.606.334

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước phải trả công nhân viên	28.000.000.000	18.460.000.000
Lãi vay phải trả	7.381.793.763	8.992.649.255
Các khoản khác	45.584.010.212	3.286.262.533
	80.965.803.975	30.738.911.788

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	5.669.201.943	4.643.183.262
Bảo hiểm xã hội	220.430.418	309.707.649
Bảo hiểm y tế	54.221.849	72.529.775
Bảo hiểm thất nghiệp	15.774.203	18.922.631
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	653.000.000	653.000.000
Phải trả tiền cổ tức	7.501.577.048	6.617.487.323
Phải trả qua tài khoản tập trung	360.889.698.340	345.250.354.611
- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	196.228.105.369	226.198.112.560
- Công ty TNHH Giáo dục FPT	57.397.913.030	93.557.108.386
- Công ty TNHH Phần mềm FPT	46.585.113.916	1.308.787.235
- Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	1.843.801.210	4.653.862.834
- Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	1.788.984.759	16.513.848.461
- Công ty TNHH Đầu tư FPT	57.045.780.056	3.018.635.135
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.137.111.173	38.965.566.901
- Công ty TNHH Truyền thông Giải trí FPT	33.904.130.386	33.904.130.386
- Khác	7.232.980.787	5.061.436.515
	416.141.014.974	396.530.752.152

19. VAY NGẮN HẠN

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Synnex FPT	200.000.000.000	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	-	-	760.000.000.000	430.000.000.000	330.000.000.000	330.000.000.000
- Công ty TNHH Giáo dục FPT	200.000.000.000	200.000.000.000	206.000.000.000	406.000.000.000	-	-
Cộng	400.000.000.000	400.000.000.000	966.000.000.000	1.036.000.000.000	330.000.000.000	330.000.000.000

Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn có kỳ hạn dưới 01 năm, không có tài sản đảm bảo và nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	4.594.266.840.000	49.941.441.360	(823.760.000)	87.203.093.024	103.009.261	2.516.877.188.825	7.247.567.812.470
Phát hành cổ phiếu	22.963.700.000	-	-	-	-	-	22.963.700.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.978.995.098.824	2.978.995.098.824
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.534.482.467)	(6.534.482.467)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	692.380.510.000	-	-	-	-	(692.380.510.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(992.519.407.000)	(992.519.407.000)
Số dư đầu kỳ này	5.309.611.050.000	49.941.441.360	(823.760.000)	87.203.093.024	103.009.261	3.804.437.888.182	9.250.472.721.827
Phát hành cổ phiếu	26.545.560.000	-	-	-	-	-	26.545.560.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	632.436.250.325	632.436.250.325
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	800.211.110.000	-	-	-	-	(800.211.110.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(800.299.927.500)	(800.299.927.500)
Số dư cuối kỳ này	6.136.367.720.000	49.941.441.360	(823.760.000)	87.203.093.024	103.009.261	2.836.363.101.007	9.109.154.604.652

(i) Trong kỳ, Công ty đã phát hành 80.021.111 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018.

Cổ tức

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã thông qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2017 với tỷ lệ 15% (20 cổ phần hiện hữu được chia thêm 03 cổ phần mới); trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% trên mệnh giá (1.500 VND/cổ phiếu).

Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Vốn cổ phần được phê duyệt	613.636.772	530.961.105
Cổ phiếu đã phát hành	613.636.772	530.961.105
Cổ phiếu phổ thông	613.636.772	530.961.105
<i>Trong đó cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu</i>	<i>8.016.294</i>	<i>7.925.466</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	(82.376)	(82.376)
<i>Trong đó cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	613.554.396	530.878.729
Cổ phiếu phổ thông	613.554.396	530.878.729
<i>Trong đó cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu</i>	<i>8.016.294</i>	<i>7.925.466</i>

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ phiếu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong một thời gian quy định kể từ ngày phát hành.

21. DOANH THU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.812.106.322	137.543.300.619
	134.812.106.322	137.543.300.619
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	770.624.339	-
	770.624.339	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.041.481.983	137.543.300.619
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 27)	61.662.779.391	91.604.374.489

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	61.820.623.687	63.874.253.594
	61.820.623.687	63.874.253.594

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân công	53.829.720.147	36.240.419.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.355.501.345	9.354.173.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.037.587.839	110.192.874.676
	<u>155.222.809.331</u>	<u>155.787.467.722</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	139.282.384.715	105.866.135.275
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	602.000.000.000	601.890.939.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	756.923.253	2.904.382
	<u>742.039.307.968</u>	<u>707.759.978.657</u>

(i) Thể hiện khoản cổ tức và lợi nhuận do các công ty con chuyển về.

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Lãi tiền vay	15.179.690.870	47.972.825.013
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	3.834.532.507
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(1.179.900.000)
	<u>15.179.690.870</u>	<u>50.627.457.520</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	8.543.637.933	4.003.953.926
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	(381.849.948)	17.698.272
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>8.161.787.985</u>	<u>4.021.652.198</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	640.598.038.310	636.782.943.752
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(602.000.000.000)	(601.890.939.000)
Khác	-	(17.847.278.455)
Cộng:		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.964.520.152	2.975.043.332
Khác	155.631.207	-
Thu nhập chịu thuế	42.718.189.669	20.019.769.629
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.543.637.933	4.003.953.926

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch/số dư trọng yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư FPT	Công ty con
Công ty TNHH Phần mềm FPT	Công ty con
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	Công ty con
Công ty TNHH Giáo dục FPT	Công ty con
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	Công ty con
Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí FPT	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Giải pháp công nghệ FPT	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bất động sản FPT	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Synnex FPT	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Công ty liên kết


20/10/2018


Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:


	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Số dư các khoản cho vay	28.500.000.000	34.500.000.000
Công ty TNHH MTV Giải pháp công nghệ FPT	17.500.000.000	17.500.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản FPT	11.000.000.000	17.000.000.000
Số dư các khoản đi vay	330.000.000.000	400.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	330.000.000.000	-
Công ty TNHH Giáo dục FPT	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Synnex FPT	-	200.000.000.000
Phải thu cổ tức, lợi nhuận công ty con chuyển về	602.000.000.000	437.656.070.000
Công ty TNHH Phần mềm FPT	494.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	-	137.656.070.000
Công ty TNHH Giáo dục FPT	108.000.000.000	100.000.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	27.203.143.224	34.175.401.350
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	10.535.512.159	17.052.157.038
Công ty TNHH Phần mềm FPT	8.300.083.024	8.363.572.130
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	6.824.328.671	5.800.492.542
Công ty Cổ phần Synnex FPT	140.273.750	2.959.179.640
Công Ty Cổ Phần Bán Lê Kỹ Thuật Số FPT	1.177.513.777	-
Công ty TNHH Giáo dục FPT	147.363.724	-
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Trực Tuyến FPT	78.068.119	-
Phải thu ngắn hạn khác	313.409.300.351	374.334.651.789
Công ty TNHH Đầu tư FPT	150.103.847.791	224.488.080.991
Công ty Cổ phần Bất động sản FPT	51.280.039.983	51.280.039.983
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	112.025.412.577	98.566.530.815
Phải trả người bán ngắn hạn	115.386.668.359	54.980.434.666
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	56.393.853.045	31.819.513.264
Công ty TNHH Giáo dục FPT	44.716.827.221	-
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	13.191.981.284	3.675.712.736
Công ty TNHH Phần mềm FPT	1.049.834.967	19.485.208.666
Công ty TNHH Thương mại FPT	1.663.643	-
Công ty CP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	32.508.199	-
Phải trả qua tài khoản tập trung	360.889.698.340	345.250.354.611
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	196.228.105.369	226.198.112.560
Công ty TNHH Giáo dục FPT	57.397.913.030	93.557.108.386
Công ty TNHH Phần mềm FPT	46.585.113.916	1.308.787.235
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	1.843.801.210	4.653.862.834
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	1.788.984.759	16.513.848.461
Công ty TNHH Đầu tư FPT	57.045.780.056	3.018.635.135
Phải trả ngắn hạn khác	33.904.130.386	33.904.130.386
Công ty TNHH Truyền thông và Giải trí FPT	33.904.130.386	33.904.130.386

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cung cấp dịch vụ	61.662.779.391	91.604.374.489
Công ty TNHH Phần mềm FPT	18.413.575.397	27.911.740.008
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	19.149.971.690	25.541.882.319
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	20.877.023.736	21.970.790.764
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	2.952.060.744	1.961.365.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	80.471.130	4.307.347.648
Công ty Cổ phần Synnex FPT	189.676.694	9.911.248.250
Mua hàng hóa và dịch vụ	138.652.976.953	71.828.793.242
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	77.695.740.427	48.686.131.446
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	13.596.854.423	16.945.611.860
Công ty cổ phần Synnex FPT	1.853.904.722	2.778.794.946
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	210.164.735	2.581.136.869
Công ty TNHH Phần mềm FPT	1.142.558.625	449.026.303
Công ty TNHH Giáo dục FPT	44.153.754.021	388.091.818
Cổ tức/Lợi nhuận kết chuyển về	437.656.070.000	601.890.939.000
Công ty TNHH Phần mềm FPT	200.000.000.000	371.000.000.000
Công ty TNHH Giáo dục FPT	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	137.656.070.000	62.570.941.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT	-	6.319.998.000
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	-	62.000.000.000
Lãi cho vay	1.038.390.984	3.816.027.784
Công ty TNHH Đầu tư FPT	71.638.887	2.895.944.446
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	966.752.097	920.083.338
Lãi đi vay	15.179.690.870	47.972.825.013
Công ty Cổ phần Synnex FPT	137.250.000	21.579.116.670
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	11.683.123.289	8.983.125.000
Công ty TNHH Giáo dục FPT	3.320.447.252	2.820.583.338
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	38.870.329	-
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	-	14.590.000.005


La Hùng Hải
 Người lập biểu


Hoàng Hữu Chiến
 Kế toán trưởng


Nguyễn Thế Phương
 Phó Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2018